

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG KON TUM**

Số: 01 /2025/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 24 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum
Khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG KON TUM
KHÓA I KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn, thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 05/TTr-TTHĐND, ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân phường về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum Khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum Khóa I, nhiệm kỳ 2021- 2026.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum Khóa I, nhiệm kỳ 2021- 2026 (Có Quy chế kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường; các Ban Hội đồng nhân dân phường; các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường; đại biểu Hội

đồng nhân dân phường; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Kon Tum Khoá I, Kỳ họp chuyên đề (lần thứ nhất) thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- UBND phường;
- Ban TT, UBMTTQVN, các tổ chức CT-XH phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Các Tổ đại biểu HĐND phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các đơn vị, phòng chuyên môn thuộc UBND phường;
- Các thôn, tổ dân phố;
- Trang thông tin điện tử (*đăng tải*);
- Lãnh đạo và Chuyên viên Văn phòng;
- Lưu: VT, HĐ. 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hà



QUY CHẾ

Làm việc của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum

Khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01 /2025/NQ-HĐND, ngày 24 / 7 /2025
của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định tổ chức Kỳ họp Hội đồng nhân dân (sau đây viết tắt là *HĐND*); nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác và chế độ làm việc của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum Khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Hội đồng nhân dân, Thường trực *HĐND*, các Ban *HĐND*, Tổ đại biểu *HĐND* và đại biểu *HĐND* phường Kon Tum Khóa I, nhiệm kỳ 2021- 2026, Văn phòng *HĐND* - UBND phường Kon Tum và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.

2. *HĐND* phường làm việc theo chế độ Kỳ họp và quyết định theo đa số.

3. Thường trực *HĐND*, các Ban *HĐND*, Tổ đại biểu *HĐND* phường làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy phường.

3. Ngoài việc chấp hành các quy định nêu tại Quy chế này, *HĐND*, Thường trực *HĐND*, các Ban *HĐND*, Tổ đại biểu *HĐND*, đại biểu *HĐND* phường Kon Tum Khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026 phải chấp hành quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của *HĐND* phường

1. *HĐND* phường Kon tum Khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026 gồm 91 đại biểu được bầu (của Hội đồng nhân dân 05 phường trước sắp xếp gồm: Quyết Thắng, Quang Trung, Trường Chinh, Thắng Lợi, Thống Nhất) và các đại biểu được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ định; Thường trực *HĐND* phường có 04 thành viên gồm: Chủ tịch *HĐND* (hoạt động kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch *HĐND* (hoạt động chuyên trách) và 02 Ủy viên là Trưởng 02 Ban của *HĐND* (hoạt động kiêm nhiệm).

- Có 02 Ban : Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội. Mỗi ban gồm: 01 Trưởng Ban (*hoạt động kiêm nhiệm*), 01 Phó Trưởng Ban (*hoạt động chuyên trách*) và 05 Ủy viên (*hoạt động kiêm nhiệm*).

- Có 05 Tổ đại biểu HĐND thực hiện nhiệm vụ tại 48 thôn tổ dân phố trên địa bàn phường.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND phường Kon Tum thực hiện theo các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015; Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14, ngày 30/01/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân; các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội*) và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Văn phòng HĐND và UBND phường (*sau đây gọi tắt là Văn phòng*) là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ mọi hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND phường theo quy định.

Chương II

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Mục 1

KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 5. Quy định chung

1. HĐND phường họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ vào giữa năm và cuối năm. Trong quá trình thực hiện, theo kiến nghị của Ủy ban nhân dân (UBND) phường, các cơ quan, tổ chức hữu quan, Thường trực HĐND phường có thể đề nghị HĐND phường quyết định điều chỉnh kế hoạch để bổ sung các Kỳ họp thường lệ trong năm.

2. Hội đồng nhân dân họp kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND phường hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND phường yêu cầu hoặc khi Cử tri có đơn yêu cầu Hội đồng nhân dân phường họp (*trong đơn có chữ ký của trên 10% tổng số cử tri của phường*) thì Thường trực HĐND phường quyết định triệu tập Kỳ họp chuyên đề để xem xét, quyết định các vấn đề phát sinh. Số lượng các Kỳ họp chuyên đề, thời điểm tổ chức các Kỳ họp chuyên đề theo yêu cầu, nhiệm vụ phát sinh tại địa phương. Việc xem xét, quyết định các vấn đề tại Kỳ họp chuyên đề được thực hiện theo trình tự, thủ

tục như tại Kỳ họp thường lệ.

3. HĐND phường họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, HĐND phường họp kín theo đề nghị của Thường trực HĐND phường, Chủ tịch UBND phường hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND phường.

4. Việc triệu tập, chủ tọa, điều hành Kỳ họp HĐND phường thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và các văn bản quy định hướng dẫn có liên quan.

5. Đại biểu HĐND phường, đại biểu khách mời là đại diện các cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội phường phải tham dự đầy đủ thời gian Chương trình kỳ họp; vắng mặt phải được Chủ tọa Kỳ họp đồng ý. Văn phòng thông báo công khai danh sách đại biểu vắng mặt vào đầu và cuối buổi tại các Kỳ họp.

6. Đại biểu HĐND phường dự Kỳ họp HĐND mặc trang phục và đeo phù hiệu đại biểu HĐND theo yêu cầu của Thường trực HĐND phường tại Quyết định triệu tập; không được mang theo các loại vũ khí, vật liệu dễ cháy nổ vào Hội trường, ngồi đúng vị trí do Văn phòng sắp xếp.

Điều 6. Chuẩn bị tổ chức Kỳ họp HĐND phường

1. Thường trực HĐND phường có trách nhiệm chủ trì công tác chuẩn bị tổ chức Kỳ họp HĐND theo quy định của pháp luật, gồm các nội dung sau:

- Căn cứ quy định của pháp luật, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và thực tiễn của địa phương, Thường trực HĐND phường chỉ đạo các Ban HĐND phối hợp với UBND rà soát các nội dung dự kiến trình tại Kỳ họp.

- Tổ chức Hội nghị liên tịch với UBND, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) phường, các Ban HĐND phường và các bộ phận chuyên môn có liên quan thuộc UBND phường để thống nhất dự kiến nội dung, chương trình, thời gian tổ chức Kỳ họp.

- Báo cáo cấp có thẩm quyền về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình Kỳ họp theo quy định.

- Ban hành thông báo về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp; đồng thời phân công các Ban của HĐND phường thẩm tra các nội dung trình kỳ họp theo quy định.

- Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ phường tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri giữa hai Kỳ họp, báo cáo HĐND phường tại Kỳ họp.

- Phối hợp với UBMTTQVN phường xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội nghị tiếp xúc cử tri trước Kỳ họp thường lệ, kế hoạch tiếp xúc cử tri sau kỳ họp của Hội đồng nhân dân theo quy định tại Điều 21 và các nội dung quy định khác tại Nghị quyết liên tịch số 72/2025/UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 20/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận TQVN về quy định chi tiết việc tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (sau đây gọi tắt là Nghị quyết liên tịch số 72/2025/UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 20/02/2025).

- Trên cơ sở ý kiến kiến nghị cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu HĐND phường chuyển đến, Thường trực HĐND phường dự liến lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn trình Kỳ họp và gửi văn bản yêu cầu người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời chất vấn trước HĐND tại Kỳ họp và không được ủy quyền cho người khác trả lời thay.

- Theo dõi, đôn đốc người trả lời chất vấn báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết của HĐND phường về chất vấn, các vấn đề đã hứa trong nội dung trả lời chất vấn tại kỳ họp trước để chuyển đến đại biểu HĐND phường tại Kỳ họp tiếp theo.

2. Các cơ quan chủ trì soạn thảo nội dung trình Kỳ họp

Các cơ quan chủ trì soạn thảo nội dung trình Kỳ họp có trách nhiệm chuẩn bị chu đáo, chất lượng, đúng thời hạn các Báo cáo, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và các hồ sơ liên quan trình Kỳ họp theo Thông báo của Thường trực HDND phường về nội dung, chương trình, thời gian tổ chức Kỳ họp.

3. Văn phòng HĐND - UBND tham mưu Thường trực HĐND phường chuẩn bị các nội dung, điều kiện phục vụ Kỳ họp, cuộc họp của thường trực; theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi tài liệu Kỳ họp theo quy định.

Điều 7. Thư ký kỳ họp của HĐND phường

1. Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân phường có 02 thành viên; trong đó, 01 thành viên là Chánh Văn phòng HĐND - UBND phường; thành viên còn lại do Chủ tọa kỳ họp đề xuất, chỉ định tại mỗi kỳ họp.

2. Thư ký kỳ họp thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp, gồm các nội dung sau:

- Lập danh sách đại biểu HĐND có mặt, vắng mặt trong phiên họp, kỳ họp;
- Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;
- Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại phiên họp toàn thể và tại cuộc họp thảo luận Tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp;
- Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp;
- Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 8. Tài liệu phục vụ Kỳ họp HĐND phường

Chủ tịch HĐND phường quyết định những tài liệu được lưu hành tại Kỳ họp HĐND. Tài liệu kỳ họp HĐND phường được Văn phòng HĐND - UBND gửi đến đại biểu HĐND phường theo quy định để đại biểu HĐND chủ động nghiên cứu tài liệu Kỳ họp.

Điều 9. Thảo luận của Tổ đại biểu trước Kỳ họp HĐND

Việc thảo luận của Tổ đại biểu trước Kỳ họp HĐND phường được thực hiện như sau:

1. Thường trực HĐND phường gửi văn bản đề nghị Tổ trưởng các Tổ đại biểu tổ chức họp Tổ để tham gia ý kiến vào các nội dung trình kỳ họp.
2. Tổ trưởng các Tổ đại biểu tổ chức họp Tổ, báo cáo kết quả họp Tổ về Thường

trực HĐND phường chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc Kỳ họp.

3. Thường trực HĐND phường tổng hợp báo cáo kết quả thảo luận tại các Tổ đại biểu HĐND phường về các nội dung trình Kỳ họp.

4. Thường trực HĐND, UBND phường và các đơn vị có liên quan tiếp thu, giải trình ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu tại phiên họp toàn thể.

Điều 10. Thảo luận Tổ đại biểu tại Kỳ họp HĐND

Việc thảo luận Tổ đại biểu HĐND phường tại Kỳ họp HĐND phường được thực hiện như sau:

1. Chủ tọa Kỳ họp quyết định tổ chức các Tổ để thảo luận về các nội dung trình tại Kỳ họp. Mỗi Tổ bao gồm các đại biểu HĐND phường thuộc các Tổ đại biểu được thành lập theo phân công của Thường trực HĐND phường và các đại biểu khách mời.

2. Tổ trưởng, Tổ phó và Thư ký phiên thảo luận Tổ do Thường trực HĐND phường phân công.

3. Tổ trưởng điều hành thảo luận, mỗi đại biểu có thể phát biểu nhiều lần (*thời gian, số lần do Tổ trưởng thống nhất với Thành viên trong Tổ*).

4. Trước khi kết thúc thảo luận Tổ, Tổ trưởng kết luận về các nội dung thành viên Tổ đã thảo luận, tham gia ý kiến.

5. Tổ trưởng thay mặt Tổ đại biểu báo cáo Chủ tọa kỳ họp về nội dung thảo luận, tham gia ý kiến của Tổ đối với các nội dung trình Kỳ họp (*bằng Biên bản thảo luận Tổ*).

6. Thư ký Kỳ họp trên cơ sở Biên bản thảo luận của các Tổ đại biểu, tham mưu Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận Tổ tại Kỳ họp, chuyển đến Thường trực HĐND phường, UBND phường và các đơn vị có liên quan để chuẩn bị nội dung tiếp thu, giải trình.

7. Thường trực HĐND, UBND phường và các đơn vị có liên quan tiếp thu, giải trình ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu tại phiên họp toàn thể (*sau khi thảo luận Tổ*).

Điều 11. Trình tự, thủ tục HĐND phường xem xét, quyết định các nội dung theo thẩm quyền tại kỳ họp

1. Đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình HĐND phường về Tờ trình, dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo và các tài liệu khác theo quy định hoặc theo yêu cầu của Chủ tọa kỳ họp.

2. Đại diện lãnh đạo các Ban HĐND phường được phân công thẩm tra trình bày báo cáo kết quả thẩm tra.

3. HĐND phường xem xét thảo luận tại phiên họp toàn thể hoặc tổ chức thảo luận tại Tổ theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp.

4. Trong quá trình xem xét thảo luận tại phiên họp toàn thể, Chủ tọa nêu các vấn đề còn có ý kiến khác nhau để HĐND phường xem xét, quyết định. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tọa kỳ họp yêu cầu các cơ quan có liên quan báo cáo giải trình về những vấn đề đại biểu HĐND quan tâm.

5. Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu thảo luận điều hành thảo luận Tổ; báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tại tổ với Chủ tọa kỳ họp để tổng hợp chung trước khi trình HĐND tại phiên họp toàn thể.

6. Cơ quan chủ trì xây dựng nội dung có trách nhiệm chủ động phối hợp với cơ quan được giao chủ trì thẩm tra, Thư ký kỳ họp để xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu về những nội dung liên quan được thảo luận tại phiên họp toàn thể, phiên họp tổ.

7. HĐND biểu quyết thông qua Nghị quyết theo trình tự sau:

- Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa kỳ họp phân công trình bày báo cáo giải trình, tiếp thu (nếu có); dự thảo Nghị quyết.

- HĐND thảo luận nội dung dự thảo Nghị quyết; Chủ tọa kỳ họp xin ý kiến đại biểu về những nội dung còn có ý kiến khác nhau (nếu có) trước khi nghị quyết được HĐND thông qua.

- Đại biểu HĐND biểu quyết trực tiếp bằng hình thức giơ tay thông qua dự thảo Nghị quyết; Đối với các trường hợp bỏ phiếu kín hoặc trực tuyến, Chủ tọa kỳ họp báo cáo kết quả kiểm phiếu, bỏ phiếu trực tuyến trước Kỳ họp.

- Nghị quyết của HĐND được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu HĐND biểu quyết tán thành. Riêng nghị quyết về bãi nhiệm, miễn nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được thông qua khi ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu HĐND biểu quyết tán thành.

8. Nội dung Kỳ họp, các phiên họp toàn thể, phiên họp Tổ của HĐND phải được lập thành biên bản và ký xác thực theo quy định.

Điều 12. Một số nội dung khác tại kỳ họp

1. Tại Kỳ họp HĐND phường, việc chất vấn và trả lời chất vấn thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và Điều 60 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và Điều 10 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Bầu các chức danh của HĐND, UBND phường thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.

3. Việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân phường bầu thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Điều 63, 64 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và Nghị quyết của Quốc Hội.

4. Việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân phường bầu thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.

5. Tạm đình chỉ, thôi làm nhiệm vụ đại biểu, bãi nhiệm và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân phường thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.

6. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hoạt động sau Kỳ họp HĐND phường

1. Thường trực HĐND phường chỉ đạo Văn phòng HĐND - UBND trình Biên bản Kỳ họp, các dự thảo Nghị quyết đã được HĐND phường thông qua, trình Chủ tịch HĐND phường hoặc Chủ toạ kỳ họp ký chứng thực; phát hành Nghị quyết, Đề án, Báo cáo, văn bản Kỳ họp theo quy định; ban hành văn bản đôn đốc người trả lời chất vấn tại Kỳ họp thực hiện các giải pháp, lời hứa nêu trong nội dung trả lời chất vấn và phân công các Ban HĐND giám sát, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nội dung trả lời chất vấn thuộc lĩnh vực phụ trách.

2. Nghị quyết của HĐND phường phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện. Nghị quyết của HĐND phường được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

3. Tùy vào nội dung chương trình của các kỳ họp và tình hình thực tế và đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân phường (nếu có), Thường trực Hội đồng nhân dân phường sẽ quyết định hình thức tổ chức tiếp xúc cử tri cho đại biểu HĐND phường theo quy định tại Điều 21 và các nội dung quy định khác tại Nghị quyết Liên tịch số 72/2025/UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 20/02/2025 và các văn bản có liên quan. Trường hợp quyết định tổ chức tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thì phải tổ chức chậm nhất là 20 ngày sau bế mạc kỳ họp.

4. Thường trực HĐND phường chủ trì tổ chức Hội nghị với UBND, Ủy ban MTTQ phường, các Ban HĐND phường để đánh giá, rút kinh nghiệm công tác chuẩn bị và tổ chức Kỳ họp thường lệ (chậm nhất là 10 ngày sau bế mạc kỳ họp).

MỤC 2

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 14. Hoạt động giám sát và chương trình, trình tự giám sát của HĐND phường

1. HĐND phường thực hiện quyền giám sát thông qua các hoạt động sau:

a) Xem xét báo cáo công tác của Thường trực HĐND, UBND và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015. Trình tự xem xét báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

b) Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND phường, người đứng đầu cơ quan thuộc UBND phường. Trình tự chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và Điều 9, 10 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

c) Xem xét quyết định của UBND phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, Luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, Nghị quyết của HĐND phường. Trình tự xem xét thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

d) Giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 62 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

đ) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND phường bầu, thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và Điều 63, 64 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

2. Chương trình giám sát của HĐND phường thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và Điều 4, 5, 6, 7 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Việc xem xét kết quả giám sát thuộc thẩm quyền của HĐND phường thực hiện theo quy định tại Điều 65 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc đảm bảo hoạt động giám sát và báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát thực hiện theo Điều 24 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Việc theo dõi, đôn đốc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của HĐND phường thực hiện theo Điều 25 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Các Ban HĐND được giao chủ trì thực hiện nội dung trong chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân thực hiện việc báo cáo kết quả giám sát: đánh giá kết quả đạt được, mức độ hoàn thành chương trình giám sát; tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan; đề xuất kiến nghị và các phức tạp kèm theo (nếu có) theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Thường trực HĐND phường chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động giám sát của HĐND đúng theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG III

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

MỤC 1

TRÁCH NHIỆM VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND phường

Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND phường thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và các văn bản

pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Nguyên tắc hoạt động của Thường trực HĐND phường

1. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Thường trực HĐND phường phân công nhiệm vụ, điều hòa hoạt động của các thành viên đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm. Các thành viên Thường trực HĐND phải nghiêm túc thực hiện sự phân công; giải quyết công việc đảm bảo yêu cầu về chất lượng, tiến độ; phát huy đoàn kết nội bộ; giữ gìn bí mật theo quy định của nhà nước, thực hiện nghiêm túc chỉ đạo, kết luận của tập thể Thường trực HĐND, không ngừng tự hoàn thiện để góp phần xây dựng tập thể Thường trực HĐND phường thống nhất, đoàn kết, vững mạnh và hiệu quả.

Điều 18. Hình thức, chế độ làm việc của Thường trực HĐND phường

1. Hình thức làm việc

- Phiên họp của Thường trực HĐND.
- Thường trực HĐND xem xét, cho ý kiến bằng văn bản.
- Hội nghị, cuộc họp do Thường trực HĐND tổ chức.
- Đoàn công tác của Thường trực HĐND.
- Hoạt động của Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, các Ủy viên Thường trực HĐND khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND.

2. Chế độ làm việc

- Thường trực HĐND phường làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.
- Thường trực HĐND phường tổ chức các phiên họp thường kỳ, đột xuất nhưng phải đảm bảo ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực HĐND tham dự. Thường trực HĐND thảo luận, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và những nhiệm vụ được HĐND phường giao.
- Thường trực HĐND phường phân công nhiệm vụ, xây dựng quy trình giải quyết công việc cụ thể bảo đảm khoa học, hiệu quả và đúng quy định.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐND phường

Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐND phường thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 5, Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và các quy định khác có liên quan.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐND phường

Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐND phường thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 4, 5, Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025, các quy định khác có liên quan và phân công của Chủ tịch HĐND, Thường trực HĐND phường.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực HĐND phường

Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên thường trực HĐND phường thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày

16/6/2025, các quy định khác có liên quan và phân công của Chủ tịch HĐND, Thường trực HĐND phường.

Điều 22. Phạm vi, thẩm quyền ký văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân vắng suốt Kỳ họp thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

2. Phó Chủ tịch HĐND ký các văn bản của Thường trực HĐND phường theo sự phân công của Thường trực HĐND phường.

MỤC 2

HOẠT ĐỘNG CỦA THƯỜNG TRỰC HĐND PHƯỜNG

Điều 23. Chương trình, kế hoạch và báo cáo của Thường trực HĐND phường

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Thường trực HĐND phường

- Chương trình, Kế hoạch công tác năm của Thường trực HĐND phường phải thể hiện chi tiết hoạt động, phân công rõ trách nhiệm, đảm bảo thời gian theo qui định.

- Căn cứ Nghị quyết về kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ trong năm và Nghị quyết chương trình giám sát của HĐND, Bộ phận chuyên trách của các Ban HĐND và Văn phòng HĐND - UBND tham mưu, đề xuất với Thường trực HĐND xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động năm của Thường trực HĐND phường.

2. Báo cáo hoạt động của Thường trực HĐND phường

- Thường trực HĐND phường báo cáo kết quả hoạt động theo quy định và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Bộ phận chuyên trách các Ban HĐND, Văn phòng HĐND - UBND phường thực hiện tham mưu xây dựng báo cáo theo phân công của Thường trực HĐND phường.

Điều 24. Phiên họp Thường trực HĐND phường

1. Thường trực HĐND tổ chức phiên họp định kỳ vào trước ngày 15 hàng tháng để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Giữa hai Phiên họp định kỳ của Thường trực HĐND phường, nếu phát sinh vấn đề cấp bách, quan trọng cần phải có ý kiến thống nhất của tập thể Thường trực HĐND phường thì Chủ tịch UBND phường báo cáo Chủ tịch HĐND phường quyết định tổ chức Phiên họp chuyên đề (*bất thường*). Những vấn đề cấp bách nhưng không quan trọng thì Chủ tịch UBND phường xin ý kiến Chủ tịch HĐND phường để tổ chức lấy ý kiến các thành viên Thường trực HĐND phường bằng văn bản.

Điều 25. Chuẩn bị nội dung phiên họp Thường trực HĐND phường

1. Chủ tịch HĐND phường chỉ đạo chuẩn bị nội dung phiên họp Thường trực HĐND phường. Phó Chủ tịch HĐND, Thành viên Thường trực HĐND phường chỉ

đạo chuẩn bị nội dung theo phân công của Thường trực HĐND, Chủ tịch HĐND phường.

2. Bộ phận chuyên trách của các Ban HĐND, Văn phòng HĐND - UBND phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu chuẩn bị các nội dung, chương trình phiên họp thường trực theo quy định hoặc sự phân công của Thường trực HĐND.

Điều 26. Văn bản kết luận về nội dung phiên họp Thường trực HĐND phường

1. Đối với các nội dung được Thường trực HĐND phường xem xét, cho ý kiến tại phiên họp Thường trực, căn cứ ý kiến kết luận của Chủ tịch HĐND hoặc Phó Chủ tịch HĐND phường điều hành phiên họp, Văn phòng HĐND - UBND chủ trì, phối hợp với Bộ phận chuyên trách các Ban HĐND phường dự thảo văn bản kết luận của Thường trực HĐND phường về từng nội dung theo lĩnh vực phụ trách trình Chủ tịch HĐND hoặc Phó Chủ tịch HĐND phường xem xét, quyết định.

2. Thường trực HĐND phường ban hành Thông báo kết luận (nếu có) gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để nghiên cứu tiếp thu, tổ chức thực hiện.

Điều 27. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND phường

Căn cứ vào quy định của pháp luật, chương trình giám sát hàng năm của HĐND phường; Thường trực HĐND phường xây dựng chương trình công tác, chương trình giám sát hàng năm đảm bảo theo luật định.

1. Thường trực HĐND phường giám sát thông qua các hoạt động sau:

- Xem xét quyết định của UBND phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, Nghị quyết của HĐND phường theo Điều 68 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

- Chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại phiên họp của Thường trực HĐND đối với những người được chất vấn theo quy định tại Khoản 2, Điều 66 và Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và Điều 11, Điều 12 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 70 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và Điều 15 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND phường theo Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và Điều 13 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định tại Điều 73 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

- Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo quy định tại Điều 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

2. Chương trình giám sát của Thường trực HĐND phường thực hiện theo quy định tại Điều 67 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và Điều 4, 5, 6, 7 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Các Ban HĐND được giao chủ trì thực hiện nội dung trong chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân thực hiện việc báo cáo kết quả giám sát: đánh giá kết quả đạt được, mức độ hoàn thành chương trình giám sát; tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan; đề xuất kiến nghị và các phức tạp kèm theo (nếu có) theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 71 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

5. Việc theo dõi, đôn đốc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát; xem xét, giám sát kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát; công khai kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát thực hiện theo Điều 25, 26, 27 và Điều 28 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

CHƯƠNG IV

BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ BỘ PHẬN CHUYÊN TRÁCH CỦA BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban HĐND phường

- Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban HĐND phường thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Các Ban HĐND phường được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân phường trong các văn bản của mình theo quy định tại khoản 1, Điều 5, Nghị quyết 629/2019/UBTVQH14 ngày 30/01/2029 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 29. Nguyên tắc hoạt động của Ban HĐND phường

- Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Quy chế này.

- Các ban HĐND phường ban hành thông báo phân công nhiệm vụ cụ thể rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm để triển các hoạt động của Ban kịp thời, thống nhất, hiệu quả.

Điều 30. Hoạt động của Ban HĐND phường

1. Các Ban HĐND phường xây chương trình họp hàng tháng để đánh giá việc thực hiện chương trình công tác thời gian qua, bàn công tác thời gian đến và báo cáo kết quả hoạt động về Thường trực HĐND phường trước ngày 30 hàng tháng. Trong trường hợp cần thiết, các Ban HĐND phường có thể họp đột xuất. Định kỳ 6 tháng, cuối mỗi năm và cuối nhiệm kỳ, các Ban HĐND phường họp đánh giá, tổng

kết tình hình hoạt động của Ban và báo cáo theo luật định.

2. Căn cứ vào quy định của pháp luật, chương trình giám sát hàng năm của HĐND phường, Chương trình giám sát và Chương trình công tác hàng năm của Thường trực HĐND phường các Ban HĐND phường xây dựng chương trình giám sát hàng năm thông qua các hoạt động sau:

- Thẩm tra các báo cáo do HĐND, Thường trực HĐND phường phân công theo quy định tại Điều 78 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và các văn bản quy định có liên quan.

- Giám sát quyết định của UBND phường, Nghị quyết của HĐND phường theo quy định tại Điều 79 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và các văn bản quy định có liên quan.

- Giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 80 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và Điều 15 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại Điều 82 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

- Chương trình giám sát của Ban HĐND phường thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 81 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

- Việc theo dõi, đôn đốc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát; xem xét, giám sát kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát; công khai kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát thực hiện theo Điều 25 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Đề xuất chương trình giám sát của HĐND phường, Thường trực HĐND phường theo Điều 58 và Điều 67 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

4. Trách nhiệm của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên các Ban HĐND phường:

a) Trách nhiệm của Trưởng ban: Ngoài các nhiệm vụ được Thường trực HĐND phường phân công với tư cách là Ủy viên Thường trực HĐND phường, Trưởng ban có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban, thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành;

- Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban;

- Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND phường, giữa các Ban của HĐND phường và các cơ quan, tổ

chức ở địa phương có liên quan;

- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với HĐND, Thường trực HĐND phường theo luật định;

- Tham dự các Phiên họp, cuộc họp do Thường trực HĐND phường triệu tập; thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách do UBND phường, các cơ quan, tổ chức liên quan mời; cử thành viên của Ban tham gia các hoạt động của Thường trực HĐND phường theo yêu cầu của Thường trực HĐND phường;

- Tổ chức việc giám sát, khảo sát của Ban;

- Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại Kỳ họp HĐND phường.

b) Phó Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban về kết quả công tác của cá nhân theo phân công của Trưởng ban.

c) Các Ủy viên của Ban có trách nhiệm chấp hành sự chỉ đạo, điều hành của Trưởng ban, Phó Trưởng ban; phải tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban về kết quả công tác của cá nhân theo phân công của Trưởng ban.

CHƯƠNG V

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 31. Nhiệm vụ, hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường

1. Các đại biểu Hội đồng nhân dân *phường (bao gồm các đại biểu được bầu và đại biểu được chỉ định)* họp thành Tổ đại biểu HĐND. Việc thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu HĐND của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng, Tổ phó của Tổ đại biểu; quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu HĐND của đại biểu HĐND do Thường trực HĐND quyết định.

2. Tổ chức họp Tổ trước các Kỳ họp để phân công, nghiên cứu tài liệu, đóng góp ý kiến đối với các nội dung trình Kỳ họp HĐND phường.

3. Tổ chức giám sát theo quy định tại Điều 83, Điều 86 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các văn bản quy định khác có liên quan.

4. Tổ chức cho đại biểu HĐND trong Tổ cùng tiếp xúc cử tri theo quy định tại Điều 9, Nghị quyết liên tịch số 72/2025/UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 20/02/2025.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định và sự phân công của Thường trực HĐND phường.

Điều 32. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND phường

1. Tổ trưởng các Tổ đại biểu HĐND phường điều hành và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ đại biểu trước HĐND và Thường trực HĐND phường.

2. Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND phường chủ trì điều hành các phiên họp Tổ;

thay mặt Tổ ký các văn bản của Tổ gửi Thường trực HĐND phường, ủy quyền cho Tổ phó ký các văn bản của Tổ (*trong trường hợp vắng mặt hoặc vì lý do chính đáng khác*).

3. Tổ phó các Tổ đại biểu HĐND phường thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng hoặc khi Tổ trưởng ủy quyền.

CHƯƠNG VI

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại biểu HĐND phường

1. Đại biểu HĐND phường thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.

2. Ngoài Khoản 1 Điều này, đại biểu HĐND phường có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Nghiên cứu chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước và từ thực tiễn cuộc sống, đại biểu có trách nhiệm chủ động đề xuất HĐND phường các biện pháp thuộc thẩm quyền của HĐND phường nhằm phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn phường.

- Nghiên cứu tài liệu Kỳ họp do Văn phòng HĐND - UBND phường gửi đến để tham gia về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND phường và những vấn đề mà cử tri quan tâm tại các kỳ họp HĐND phường. Việc phát biểu ý kiến đối với các nội dung trình Kỳ họp có thể thông qua hình thức phát biểu trực tiếp hoặc gửi ý kiến góp ý bằng văn bản đến Chủ tọa Kỳ họp.

- Tập trung tham gia góp ý nội dung các dự thảo Nghị quyết của HĐND phường thông qua việc phát biểu ý kiến trực tiếp tại Hội trường hoặc chỉnh sửa trực tiếp vào văn bản dự thảo, thể hiện rõ chính kiến đối với những nội dung chưa cụ thể, rõ ràng, còn có nhiều ý kiến khác nhau.

- Tích cực tranh luận, chất vấn đối với các vấn đề cử tri quan tâm, bức xúc. Việc chất vấn của đại biểu HĐND phường phải tuân thủ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và công tác điều hành của Chủ tọa Kỳ họp. Thời gian nêu nội dung chất vấn của đại biểu tại Hội trường không quá 05 (năm) phút; thời gian trả lời chất vấn của người được chất vấn không quá 10 (mười) phút.

- Đại biểu HĐND phường thực hiện quyền và trách nhiệm trong việc tiếp xúc cử tri theo quy định tại Điều 4, Nghị quyết liên tịch số 72/2025/UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 20/02/2025. Đồng thời thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân theo sự phân công của Thường trực HĐND phường.

Điều 34. Hoạt động giám sát của đại biểu HĐND phường thông qua các hoạt động sau:

1. Chất vấn Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thành viên UBND phường theo quy định tại

Điều 84 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

2. Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương theo quy định tại Điều 86 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

3. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại Điều 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

4. Hoạt động giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân phường thực hiện theo Điều 22 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15, ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

CHƯƠNG VII

MỐI QUAN HỆ CỦA THƯỜNG TRỰC HĐND PHƯỜNG, CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 35. Mối quan hệ của Thường trực HĐND với các Ban HĐND phường

1. Thường trực HĐND phường chỉ đạo hoạt động của các Ban HĐND phường thông qua các công việc sau:

- Phân công các Ban của HĐND phường thẩm tra báo cáo, tờ trình, dự thảo Nghị quyết liên quan đến lĩnh vực Ban phụ trách trước khi trình Kỳ họp HĐND phường; thẩm tra, cung cấp thông tin đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND phường giữa hai Kỳ họp theo sự phân công của Thường trực HĐND phường.

- Xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát; về chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác hàng tháng, sáu tháng, cả năm của các Ban.

- Phân công các Ban HĐND phường thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của HĐND phường và Thường trực HĐND phường.

- Yêu cầu các Ban HĐND phường điều chỉnh kế hoạch giám sát của Ban nhằm đảm bảo cho hoạt động giám sát không bị trùng lặp, chồng chéo.

2. Thường trực HĐND phường thực hiện việc điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban HĐND phường thông qua việc xem xét kết quả giám sát của các Ban khi xét thấy cần thiết và báo cáo HĐND phường tại Kỳ họp gần nhất.

3. Đôn đốc các Ban HĐND phường thực hiện chương trình hoạt động.

4. Tham dự các phiên họp của các Ban HĐND phường khi được mời dự.

Điều 36. Mối quan hệ của Thường trực HĐND phường với đại biểu HĐND phường

1. Đôn đốc các đại biểu HĐND phường tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri và thực hiện các nhiệm vụ của đại biểu HĐND phường.

2. Tiếp nhận và tổng hợp vấn đề chất vấn của đại biểu HĐND phường tại Kỳ họp, trình HĐND phường quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người được chất vấn, chuyển nội dung chất vấn đến người được chất vấn để trả lời tại Kỳ họp. Trong thời

gian giữa hai Kỳ họp, Thường trực HĐND phường tiếp nhận, tổng hợp vấn đề chất vấn của đại biểu HĐND phường, quyết định nhóm vấn đề chất vấn, người được chất vấn và thời gian chất vấn.

3. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các giải pháp, lời hứa nêu trong các nội dung trả lời chất vấn của người được chất vấn và việc giải quyết các kiến nghị của đại biểu HĐND phường.

4. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách, chế độ đối với đại biểu HĐND phường; tạo điều kiện để đại biểu HĐND phường được học tập, nghiên cứu, quán triệt các quy định của pháp luật, các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghiệp vụ hoạt động đại biểu.

Điều 37. Mối quan hệ giữa Thường trực HĐND, các Ban của HĐND phường với UBND phường

1. Thường trực HĐND, các Ban HĐND phường phối hợp chặt chẽ với UBND phường, các đơn vị, cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường trong việc chuẩn bị chương trình, các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các hồ sơ liên quan trình Kỳ họp HĐND phường hoặc phiên họp Thường trực HĐND phường; giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện Nghị quyết của HĐND phường về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, đảm bảo Quốc phòng- An ninh của phường trong thời gian giữa hai Kỳ họp; theo dõi việc tổ chức triển khai và thực hiện Nghị quyết của HĐND phường; thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra, đôn đốc UBND phường và các đơn vị, cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường trong việc thực hiện Nghị quyết HĐND phường.

2. Thường trực HĐND phường phối hợp với UBND phường xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Thường trực HĐND, các Ban của HĐND phường với UBND phường.

Điều 38. Mối quan hệ giữa Thường trực HĐND, các Ban HĐND phường với Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN phường và các tổ chức thành viên

1. Thường trực HĐND, các Ban HĐND phường phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN phường và các tổ chức thành viên của MTTQVN phường trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.

2. Thường trực HĐND phường phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN phường xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Thường trực HĐND, các Ban của HĐND phường với Ủy ban MTTQVN phường.

Điều 39. Mối quan hệ giữa Thường trực HĐND, các Ban HĐND phường với Tổ đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại địa bàn phường

1. Thường trực HĐND, các Ban HĐND phường giữ mối liên hệ và phối hợp công tác thường xuyên với Tổ đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại địa bàn phường.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND phường tham gia hoạt động giám sát của HĐND tỉnh khi được mời. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Thường trực HĐND, các Ban HĐND phường có thể mời Tổ trưởng, Tổ phó, các đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại địa bàn phường tham gia hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực

HĐND, các Ban HĐND phường.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG, CHẾ ĐỘ HỌP VÀ THÔNG TIN BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 40. Điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND và các Ban HĐND phường

1. Kinh phí hoạt động của HĐND phường do Thường trực HĐND phường trình HĐND phường quyết định trong kế hoạch ngân sách hàng năm của phường. Việc sử dụng kinh phí hoạt động của HĐND phường được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nội dung chi, định mức chi phục vụ hoạt động của HĐND phường được thực hiện theo các quy định của pháp luật và Nghị quyết của HĐND tỉnh về định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động HĐND các cấp.

3. Văn phòng HĐND - UBND chịu trách nhiệm bảo đảm điều kiện phục vụ hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, đại biểu HĐND phường theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Chế độ họp và thông tin báo cáo

1. Chế độ họp và thông tin báo cáo của Thường trực HĐND phường

a) Thường trực HĐND phường họp thường kỳ mỗi tháng một lần. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực HĐND phường có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND phường.

b) Thường trực HĐND phường báo cáo kết quả hoạt động hàng tháng, 06 (sáu) tháng, hàng năm về Thường trực Đảng ủy, Thường trực HĐND Tỉnh, UBND Tỉnh theo quy định.

2. Chế độ họp và thông tin báo cáo của các Ban của HĐND phường

a) Các Ban HĐND phường xây dựng báo cáo kết quả hoạt động của Ban định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và năm, báo cáo Thường trực HĐND phường theo quy định (*Báo cáo tháng gửi trước ngày 30 hàng tháng; Báo cáo quý gửi trước ngày 30 tháng cuối quý; Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 30/6 hàng năm; Báo cáo năm gửi trước ngày 30/11 hàng năm*).

b) Các Ban HĐND phường họp định kỳ hàng tháng để đánh giá kết quả hoạt động của Ban, triển khai các hoạt động trong tháng; trong trường hợp cần thiết, Ban có thể họp đột xuất. Cuối mỗi năm, các Ban HĐND phường họp tổng kết, đánh giá hoạt động của Ban trong năm.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của HĐND Phường Kon Tum có hiệu lực thi hành từ ngày được thông qua. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại

biểu HĐND phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện và giám sát việc thực hiện Quy chế này.

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu phát sinh vấn đề bất cập cần sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với thực tiễn hoạt động, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND, các đại biểu HĐND phường phản ánh về Thường trực HĐND phường để nghiên cứu, xem xét trình HĐND phường quyết định./.
